

Số: 2717/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao Khóa 12 – Đợt tháng 6 năm 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 311/TB-ĐHNH, ngày 31/03/2021 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 29 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 12.

(Danh sách đính kèm)

**Điều 2.** Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung





**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) KHÓA 12 ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH**  
**CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025**

(Bản hành kèm theo Quyết định: 218/QĐ-ĐHNH, ngày 12 tháng 7 năm 2025  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           |       |
|-----|-----------------|------------------------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|-------|
|     |                 |                        |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT | TOEIC |
| 1   | 050812240009    | Ngô Trương Linh Ân     | 13/06/2006 | HQ12-INE01    |                     | 6.0   |           |       |
| 2   | 050312240247    | Huỳnh Gia Bảo          | 08/02/2006 | HQ12-MAG01    |                     | 6.0   |           |       |
| 3   | 050112240438    | Nông Nguyễn Hải Bình   | 10/10/2006 | HQ12-BAF13    |                     | 6.0   |           |       |
| 4   | 050112240465    | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 06/11/2006 | HQ12-BAF11    |                     | 5.5   |           |       |
| 5   | 050112240496    | Lê Võ Nguyên Giáp      | 18/07/2006 | HQ12-BAF17    |                     | 5.5   |           |       |
| 6   | 050112240051    | Võ Xuân Trúc Hà        | 25/06/2006 | HQ12-BAF06    | 4/6                 |       |           |       |
| 7   | 050312240061    | Trần Nguyễn Mạnh Hùng  | 02/04/2006 | HQ12-MAG03    |                     | 5.5   |           |       |
| 8   | 050112240095    | Trương Thị Ngọc Hương  | 16/01/2006 | HQ12-BAF04    |                     | 6.0   |           |       |
| 9   | 050312240070    | Vũ Quỳnh Hương         | 30/10/2006 | HQ12-MAG02    |                     | 6.5   |           |       |
| 10  | 050812240021    | Trịnh Đặng Khánh Huyền | 21/09/2006 | HQ12-INE02    |                     | 6.5   |           |       |
| 11  | 050512240037    | Dương Gia Hy           | 26/01/2006 | HQ12-ACC02    | 4/6                 |       |           |       |
| 12  | 050112240599    | Trần Phúc Khang        | 26/10/2006 | HQ12-BAF07    |                     | 7.5   |           |       |
| 13  | 050112240704    | Võ Tiến Minh           | 26/11/2006 | HQ12-BAF21    | 4/6                 |       |           |       |
| 14  | 050112240130    | Trần Thị Kiều My       | 05/10/2006 | HQ12-BAF02    | 4/6                 |       |           |       |
| 15  | 050112240755    | Nguyễn Bích Ngọc       | 16/07/2006 | HQ12-BAF16    | 4/6                 |       |           |       |
| 16  | 050512240068    | Nguyễn Thảo Nguyên     | 22/06/2006 | HQ12-ACC05    | 4/6                 |       |           |       |
| 17  | 050812240078    | Nguyễn Thanh Nhã       | 07/07/2006 | HQ12-INE01    |                     | 5.5   |           |       |
| 18  | 050212240021    | Nguyễn Thị Tuyết Nhi   | 19/09/2006 | HQ12-MIS02    | 4/6                 |       |           |       |
| 19  | 050112240208    | Nguyễn Vũ Kiều Phương  | 06/05/2006 | HQ12-BAF02    |                     | 5.5   |           |       |
| 20  | 050112240895    | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 09/11/2006 | HQ12-BAF13    | 4/6                 |       |           |       |
| 21  | 050112240888    | Mỹ Thị Như Quỳnh       | 13/05/2005 | HQ12-BAF14    |                     | 5.5   |           |       |
| 22  | 050212240024    | Phan Thanh Thảo        | 18/02/2006 | HQ12-MIS02    | 4/6                 |       |           |       |
| 23  | 050112240971    | Hoàng Anh Thư          | 15/01/2006 | HQ12-BAF15    | 4/6                 |       |           |       |
| 24  | 150401240076    | Nguyễn Thị Quỳnh Thư   | 28/08/2006 | HQ12-BBE02    |                     | 5.5   |           |       |
| 25  | 050112240253    | Nguyễn Thành Tín       | 22/08/2006 | HQ12-BAF19    |                     | 6.5   |           |       |

| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN               | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           |       |
|-----|-----------------|-------------------------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|-------|
|     |                 |                         |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT | TOEIC |
| 26  | 050512240112    | Nguyễn Lê Phương Trinh  | 11/08/2006 | HQ12-ACC04    | 4/6                 |       |           |       |
| 27  | 050112240289    | Nguyễn Ngọc Phương Uyên | 07/10/2006 | HQ12-BAF02    | 4/6                 |       |           |       |
| 28  | 050112241132    | Nguyễn Quốc Vượng       | 25/12/2006 | HQ12-BAF22    |                     | 6.0   |           |       |
| 29  | 050812240067    | Trần Nguyễn Hải Yến     | 19/03/2006 | HQ12-INE01    | 4/6                 |       |           |       |

Tổng số: 29 sinh viên







No. 2717/QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, July 18, 2025

## DECISION

Recognition of English Proficiency Graduation Requirement Fulfillment for Full-time Undergraduate Students of the High-Quality Bilingual English Program – Cohort 12, June 2025 Session

### RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16<sup>th</sup>, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Resolution No. 35/NQ-ĐHNH-HĐT (April 5, 2024) on the reorganization and renaming of several units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28<sup>th</sup>, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on organization and management of undergraduate training at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24<sup>th</sup>, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 311/TB-ĐHNH (March 31<sup>th</sup>, 2021) on the application of foreign language graduation requirements for full-time undergraduate high-quality programs

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.



## DECISION:

**Article 1:** Recognition of English Proficiency Graduation Requirement Fulfillment under the Training Program for 29 Full-time Undergraduate Students of the High-Quality Bilingual English Program (Cohort 12)

(List attached)

**Article 2:** Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.

**Article 3:** The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

***Recipients:***

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

**RECTOR**

(Signed)

**Nguyen Duc Trung**





**List of Full-time Undergraduate Students of the High-Quality Bilingual English Program (Cohort 12) Recognized as Having Met the English Proficiency Graduation Requirement – June 2025 Session**

*Issued together with Decision No. 2317/QĐ-ĐHNH, dated 18 / 7 /2025 by the Rector of Banking University of Ho Chi Minh City*

| NO. | STUDENT ID   | FULL NAME              | DATE OF BIRTH | SLASS      | ENGLISH CERTIFICATE |       |           |       |
|-----|--------------|------------------------|---------------|------------|---------------------|-------|-----------|-------|
|     |              |                        |               |            | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT | TOEIC |
| 1   | 050812240009 | Ngô Trương Linh Ân     | 13/06/2006    | HQ12-INE01 |                     | 6.0   |           |       |
| 2   | 050312240247 | Huỳnh Gia Bảo          | 08/02/2006    | HQ12-MAG01 |                     | 6.0   |           |       |
| 3   | 050112240438 | Nông Nguyễn Hải Bình   | 10/10/2006    | HQ12-BAF13 |                     | 6.0   |           |       |
| 4   | 050112240465 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 06/11/2006    | HQ12-BAF11 |                     | 5.5   |           |       |
| 5   | 050112240496 | Lê Võ Nguyên Giáp      | 18/07/2006    | HQ12-BAF17 |                     | 5.5   |           |       |
| 6   | 050112240051 | Võ Xuân Trúc Hà        | 25/06/2006    | HQ12-BAF06 | 4/6                 |       |           |       |
| 7   | 050312240061 | Trần Nguyễn Mạnh Hùng  | 02/04/2006    | HQ12-MAG03 |                     | 5.5   |           |       |
| 8   | 050112240095 | Trương Thị Ngọc Hương  | 16/01/2006    | HQ12-BAF04 |                     | 6.0   |           |       |
| 9   | 050312240070 | Vũ Quỳnh Hương         | 30/10/2006    | HQ12-MAG02 |                     | 6.5   |           |       |
| 10  | 050812240021 | Trịnh Đặng Khánh Huyền | 21/09/2006    | HQ12-INE02 |                     | 6.5   |           |       |
| 11  | 050512240037 | Dương Gia Hy           | 26/01/2006    | HQ12-ACC02 | 4/6                 |       |           |       |
| 12  | 050112240599 | Trần Phúc Khang        | 26/10/2006    | HQ12-BAF07 |                     | 7.5   |           |       |
| 13  | 050112240704 | Võ Tiến Minh           | 26/11/2006    | HQ12-BAF21 | 4/6                 |       |           |       |
| 14  | 050112240130 | Trần Thị Kiều My       | 05/10/2006    | HQ12-BAF02 | 4/6                 |       |           |       |
| 15  | 050112240755 | Nguyễn Bích Ngọc       | 16/07/2006    | HQ12-BAF16 | 4/6                 |       |           |       |
| 16  | 050512240068 | Nguyễn Thảo Nguyên     | 22/06/2006    | HQ12-ACC05 | 4/6                 |       |           |       |
| 17  | 050812240078 | Nguyễn Thanh Nhã       | 07/07/2006    | HQ12-INE01 |                     | 5.5   |           |       |
| 18  | 050212240021 | Nguyễn Thị Tuyết Nhi   | 19/09/2006    | HQ12-MIS02 | 4/6                 |       |           |       |
| 19  | 050112240208 | Nguyễn Vũ Kiều Phương  | 06/05/2006    | HQ12-BAF02 |                     | 5.5   |           |       |
| 20  | 050112240895 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 09/11/2006    | HQ12-BAF13 | 4/6                 |       |           |       |
| 21  | 050112240888 | Mỹ Thị Như Quỳnh       | 13/05/2005    | HQ12-BAF14 |                     | 5.5   |           |       |
| 22  | 050212240024 | Phan Thanh Thảo        | 18/02/2006    | HQ12-MIS02 | 4/6                 |       |           |       |
| 23  | 050112240971 | Hoàng Anh Thư          | 15/01/2006    | HQ12-BAF15 | 4/6                 |       |           |       |
| 24  | 150401240076 | Nguyễn Thị Quỳnh Thư   | 28/08/2006    | HQ12-BBE02 |                     | 5.5   |           |       |
| 25  | 050112240253 | Nguyễn Thành Tín       | 22/08/2006    | HQ12-BAF19 |                     | 6.5   |           |       |

| NO. | STUDENT ID   | FULL NAME               | DATE OF BIRTH | SLASS      | ENGLISH CERTIFICATE |       |           |       |
|-----|--------------|-------------------------|---------------|------------|---------------------|-------|-----------|-------|
|     |              |                         |               |            | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT | TOEIC |
| 26  | 050512240112 | Nguyễn Lê Phương Trinh  | 11/08/2006    | HQ12-ACC04 | 4/6                 |       |           |       |
| 27  | 050112240289 | Nguyễn Ngọc Phương Uyên | 07/10/2006    | HQ12-BAF02 | 4/6                 |       |           |       |
| 28  | 050112241132 | Nguyễn Quốc Vượng       | 25/12/2006    | HQ12-BAF22 |                     | 6.0   |           |       |
| 29  | 050812240067 | Trần Nguyễn Hải Yến     | 19/03/2006    | HQ12-INE01 | 4/6                 |       |           |       |

Total: 29 students

